

NHỮNG CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA DOANH NGHIỆP NÔNG NGHIỆP VN KHI GIA NHẬP WTO

Báo cáo tại Hội nghị toàn thể ISG 2006
Hà nội ngày 25/10/2006
Phạm Chi Lan

11/8/2006

1

Nội dung

1. Bối cảnh mới của sự phát triển kinh tế và doanh nghiệp VN
2. Các cơ hội và thách thức đối với KTVN khi gia nhập WTO
3. Tác động của việc gia nhập WTO đối với các doanh nghiệp nông nghiệp VN

11/8/2006

2

1. BỐI CẢNH MỚI CỦA SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

11/8/2006

3

Bối cảnh quốc tế:

- Toàn cầu hóa trở thành một thực tế
 - Sự hình thành nền kinh tế tri thức
 - Liên tục phát triển công nghệ và sáng tạo
 - Cải cách và tái cấu trúc KT khắp nơi
 - Nhiều liên kết kinh tế FTA và RTA mới
 - Mạng lưới KD & chuỗi giá trị toàn cầu phát triển mạnh
 - Chủ nghĩa bảo hộ và các hàng rào kỹ thuật hiện đại
 - Những chiến lược mới trong DN từ MNCs đến SMEs
- Chúng ta đang sống trong một thế giới chuyển động rất nhanh*

11/8/2006

4

Những xu hướng lớn trong doanh nghiệp các nước

- Nhiều vụ sáp nhập & mua lại (M&A)
→ hình thành các công ty đa quốc gia (MNCs) lớn hơn, mạnh hơn (và là nguồn FDI lớn nhất)
- bản thân MNCs tự điều chỉnh thành các mạng lưới gồm nhiều cty con (*có hồn và tốc độ của một cty nhỏ trong thân xác lớn*)
- Phát triển các liên kết (clusters) của các DN nhỏ và vừa (SMEs) → tăng hiệu quả & sức cạnh tranh
- Phát triển mạnh các mạng lưới kinh doanh, các dây chuyền cung cấp toàn cầu hóa

11/8/2006

5

Những diễn biến quốc tế trực tiếp tác động lớn đến kinh tế VN

- Trung quốc gia nhập WTO, Ấn độ phát triển mạnh
- Những phát triển mới trong khu vực, đặc biệt là ASEAN + Trung quốc, ASEAN + 3, EAS
- EU, NAFTA mở rộng
- Xu hướng gia tăng các FTA, RTA
- Vai trò gia tăng của dịch vụ, sở hữu trí tuệ, công nghệ thông tin, out-sourcing trong thương mại
- Tự do hóa TM // sự tăng cường chính sách bảo hộ và các rào cản TM hiện đại
- Thị trường thế giới biến động liên tục, khó dự đoán

11/8/2006

6

Bối cảnh quốc tế tác động đến kinh tế VN như thế nào

- Áp lực cạnh tranh gia tăng (xuất, nhập khẩu, FDI)
- Xu hướng chung tạo sức ép đòi hỏi ta mở cửa, tự do hóa mạnh, nhanh, toàn diện hơn
- Nguy cơ thương mại khu vực chuyển hướng bất lợi cho VN, VN bị rút lại sau những trào lưu mới
- Điều kiện hội nhập khó khăn hơn, bị giám sát chặt hơn, thời gian quá độ không dài
- VN có thời cơ vàng, song phải có năng lực và nỗ lực cực lớn mới tận dụng được

11/8/2006

7

Bối cảnh trong nước

1. **Chủ động hội nhập quốc tế:** VN ở chặng đường mới của HNKQT, có nhiều thời cơ, thách thức, cam kết mới (AFTA, ASEAN +, ASEM, APEC, WTO, FTA...)
2. **Thế và lực của VN:** nền tảng mới cao hơn, mạnh hơn, song vẫn là nền KT đang phát triển ở trình độ thấp
3. **Thế chế kinh tế và môi trường kinh doanh:** tốt hơn, song còn chặng đường dài để hoàn thành chuyển đổi sang KT thị trường
4. **Lực lượng doanh nghiệp, doanh nhân** (đội quân xung kích trong HNKQT): đông đảo, trưởng thành hơn, song năng lực cạnh tranh còn hạn chế

11/8/2006

8

Vị trí của VN trong KT toàn cầu & khu vực

Vị trí VN trong KT toàn cầu:

- GDP 2005: VN 53 tỷ / toàn cầu 38.000 tỷ USD (0,14%)
- Xuất khẩu 2005: VN 33 tỷ / toàn cầu 10.000 tỷ USD (0,3%)

Vị trí VN trong KT ASEAN:

- GDP 2005 (theo ASEAN): VN 47 tỷ / ASEAN 849 tỷ USD (5,5%) (IA 270, TL167, M'a 132, S'po 115, RP 95 tỷ)
- GDP 2005 tính theo đầu người: VN 567 / ASEAN 1500 \$ (S'po 26000, Brunei 17000, M'a 5100, TL 2500, IA 1200, RP 1000)
- Xuất khẩu 2004: VN 26,5 tỷ / ASEAN 525,6 tỷ USD (5%) (S'po 179; M'a 126,5; TL 97,4; IA 71,6; RP 39,7 tỷ)

11/8/2006

9

2. CÁC CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI KINH TẾ VIỆT NAM KHI GIA NHẬP WTO

11/8/2006

10

Các cơ hội và thách thức về kinh tế

Cơ hội:

Bên trong:

- Hoàn thiện thể chế thị trường, cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy cạnh tranh để phát triển
- Cấu trúc lại nền kinh tế về các mặt cơ cấu ngành, sản phẩm, thị trường, lao động, các khu vực doanh nghiệp theo hướng phát huy lợi thế so sánh, tạo lợi thế mới
- Phát triển doanh nghiệp, tạo việc làm, tăng thu nhập
- Phát triển khoa học công nghệ, các ngành công nghệ cao, tiếp cận kinh tế tri thức
- Khai thác và phân bổ các nguồn lực của đất nước theo hướng hiệu quả, bền vững hơn

11/8/2006

11

Bên ngoài:

- Mở cửa thị trường các nước: hưởng quy chế MFN, không bị phân biệt đối xử → tăng khả năng xuất khẩu, nhập khẩu một cách hiệu quả hơn
- Thu hút đầu tư nước ngoài, kết hợp hiệu quả hơn các nguồn lực trong và ngoài nước để phát triển
- Tham gia phân công lao động quốc tế thuận lợi hơn, giành vị trí cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu
- Đỡ bị khiêu kiện bất công; giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế công bằng hơn
- Tạo vị thế mới trong tham gia các vòng đàm phán toàn cầu, khu vực và song phương trong tương lai

11/8/2006

12

Thách thức:

Bên trong:

- Phải sửa đổi, điều chỉnh hệ thống luật pháp, chính sách KT của ta cho phù hợp với các cam kết quốc tế
- Thể chế kinh tế thị trường chưa hoàn thiện, môi trường kinh doanh còn nhiều bất cập, trở ngại.
- Điểm xuất phát thấp, năng suất lao động thấp, cơ cấu KT lạc hậu, nặng lực cạnh tranh của cả nền KT, của nhiều sản phẩm và DN còn hạn chế, kết cấu hạ tầng kém hiệu quả
- Chất lượng nguồn nhân lực thấp; trình độ, năng lực quản lý nhà nước, quản trị DN hạn chế; hệ thống giáo dục, đào tạo yếu
- Một số ngành, sản phẩm, DN, đối tượng dân cư có thể bị thua thiệt, cần được chuẩn bị và hỗ trợ

11/8/2006

13

Bên ngoài:

- Phải chấp nhận luật chơi chung và đương đầu với hệ thống luật phức tạp ở các nước
- Phải chấp nhận sự cạnh tranh quyết liệt ở các thị trường bên ngoài và trong nước trên hầu hết các lĩnh vực (hàng hóa, dịch vụ, nhân lực...) ở nhiều cấp độ
- Phải đối phó với nhiều rào cản kỹ thuật ở các nước
- Chịu nhiều sức ép trong những năm đầu do chưa phải là kinh tế thị trường
- Môi trường KT khu vực và thế giới nhiều biến động, cạnh tranh gay gắt, thay đổi nhanh, đòi hỏi khả năng thích ứng cao

11/8/2006

14

Các vấn đề lao động-xã hội cần quan tâm

- Pháp luật về lao động
- Các tiêu chuẩn lao động, trách nhiệm XH của DN
- Chế độ tiền lương & thu nhập
- Quan hệ giữa các chủ thể lao động
- Các chính sách ngành
- Phát triển khu vực tư nhân, DN nhỏ & vừa
- Mạng lưới an sinh xã hội
- Đào tạo và đào tạo lại
- Di cư và di chuyển lao động
- Hỗ trợ các nhóm yếu thế

11/8/2006

15

Lợi thế so sánh của VN

- Vị trí địa lý ở trung tâm vùng Đông Á năng động, phát triển và hội nhập nhanh
 - Nguồn nhân lực dồi dào, trẻ, cần cù, có khả năng học hỏi và thích ứng
 - Ổn định KT vĩ mô, chính trị, xã hội
 - Đang hội nhập KT khu vực và toàn cầu, tham gia các liên kết quan trọng
 - Có tiềm năng lớn về mở rộng thị trường nội địa
 - Có tiềm năng phát triển một số ngành nông, công nghiệp, dịch vụ, xuất khẩu.
- Cần khai thác, phát triển thành lợi thế cạnh tranh*

11/8/2006

16

Một số vấn đề kinh tế vĩ mô cần giải quyết sau khi gia nhập WTO

- Hoàn thiện thể chế thị trường càng sớm càng tốt
 - Xây dựng hệ thống chính sách, luật pháp theo thể chế thị trường, phù hợp với nhu cầu phát triển và các cam kết quốc tế
 - Cải cách mạnh hệ thống hành chính & tư pháp các cấp, nâng cao năng lực bộ máy và cán bộ nhà nước
 - Tổ chức tốt việc thực thi và giám sát thi hành PL
 - Tạo môi trường kinh doanh công bằng, ổn định
 - Xây dựng các thiết chế cạnh tranh, kiểm soát độc quyền, giải quyết tranh chấp

11/8/2006

17

- Thực hiện triệt để các cải cách kinh tế và các chính sách KT-XH quan trọng:

- Cải cách doanh nghiệp nhà nước
- Cải cách các hệ thống ngân hàng, thuế, thương mại, dịch vụ công
- Cải cách hệ thống giáo dục-đào tạo
- Phát triển các thị trường đất đai, lao động, vốn, công nghệ, thị trường các dịch vụ & hàng hóa
- Phát triển kết cấu hạ tầng
- Các chính sách hỗ trợ pt doanh nghiệp nhỏ và vừa
- Phát triển hệ thống an sinh xã hội hiệu quả

11/8/2006

18

- **Điều chỉnh các chiến lược phát triển**

- Nghiên cứu, đánh giá lại các lợi thế và hạn chế của nền KTVN, của các ngành khi tham gia HNQT đầy đủ
- Điều chỉnh các chiến lược tổng thể, ngành, vùng đã có; phối hợp giữa các chiến lược / quy hoạch.
- Xây dựng những chiến lược mới: chiến lược HNQT, chiến lược thương mại (tận dụng lợi thế & thực thi các cam kết WTO, thúc đẩy các đàm phán mới)
- Ưu tiên cao các vấn đề chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, tạo năng lực cạnh tranh quốc tế, pt nguồn nhân lực, pt bền vững
- Điều chỉnh chiến lược pt các loại doanh nghiệp

11/8/2006

19

Chuyển đổi cơ cấu các ngành kinh tế

- **Thúc đẩy mạnh các ngành dịch vụ**

- Đánh giá lại các lợi thế & hạn chế của các ngành dịch vụ VN khi tham gia thương mại quốc tế
- Điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch pt các ngành DV
- Pt dịch vụ thành khu vực lớn nhất trong cơ cấu KT, tăng mạnh xuất khẩu DV
- Tự do hóa nhanh các ngành DV cho mọi DN *trong nước* (đặc biệt KV tư nhân) tham gia *trước khi mở cửa* cho bên ngoài; gỡ các rào cản, tạo cạnh tranh để pt DV.
- Đào tạo nguồn nhân lực cho các ngành DV

11/8/2006

20

- **Phát triển công nghiệp một cách hợp lý**

- Đánh giá lại các lợi thế & hạn chế của các ngành công nghiệp VN khi tham gia thương mại quốc tế
- Điều chỉnh các chiến lược tổng thể, ngành, vùng đối với CN từ góc độ hợp tác & cạnh tranh quốc tế
- Mở rộng quyền tự do đầu tư, kinh doanh trong các lĩnh vực CN cho DN trong nước, KV tư nhân và FDI
- Điều chỉnh đầu tư của nhà nước và DNNN, tập trung vào các lĩnh vực then chốt, thiết yếu
- Phân bổ lại các nguồn lực, tập trung cho các sản phẩm có lợi thế, thu hẹp / từ bỏ những sp kém cạnh tranh
- Coi trọng yêu cầu hiệu quả, chất lượng, trình độ công nghệ, NSLĐ, tạo vị thế mới trong dây chuyền toàn cầu

11/8/2006

21

- **Chuyển hướng phát triển nông nghiệp**

- Đánh giá lại các lợi thế & hạn chế của các ngành nông nghiệp VN khi tham gia thương mại quốc tế
- Điều chỉnh các chiến lược tổng thể, ngành, vùng đối với nông nghiệp từ yêu cầu pt & cạnh tranh quốc tế
- Gắn pt nông nghiệp với pt nông thôn, với công nghiệp, dịch vụ, khoa học công nghệ, môi trường
- Chuyển đổi tổ chức pt nông nghiệp theo quy mô KT
- Chuyển đổi sản xuất nông nghiệp một cách cơ bản theo hướng đa dạng hóa, pt bền vững, coi trọng chất lượng & tiêu chuẩn sản phẩm, NSLĐ và giá trị gia tăng
- Chuyển đổi phương thức kinh doanh nông sản phù hợp với yêu cầu thị trường trong nước & quốc tế

11/8/2006

22

Chuyển đổi cơ cấu doanh nghiệp

- **Sắp xếp lại các lực lượng doanh nghiệp**

- Tiến hành mạnh, quyết liệt việc cải cách DNNN: thực hiện nhanh chương trình cổ phần hóa, giảm tỉ lệ cổ phần của nhà nước trong DNNN CPH; sớm chuyển toàn bộ DNNN sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp
- Tạo môi trường thuận lợi cho pt mạnh khu vực tư nhân trong nước, để khu vực này thành lực lượng chính trong phần lớn các ngành dịch vụ, công-nông nghiệp, xuất khẩu, đối trọng & đối tác của DNNN và FDI
- Thu hút mạnh FDI & ĐT tài chính, tận dụng FDI để đổi mới công nghệ, chuyển đổi cơ cấu các ngành/sản phẩm, mở rộng thị trường XK, pt doanh nghiệp trong nước.

11/8/2006

23

- **Tạo sự phân công và hợp tác / cạnh tranh mới giữa 3 lực lượng DN:**

- DNNN: thu hẹp về số lượng, phạm vi hoạt động; nâng cao NLCT, hiệu quả & khả năng kiểm soát trong những lĩnh vực then chốt nhà nước cần nắm giữ.
- DN tư nhân trong nước: mở rộng tối đa về số lượng, phạm vi, lĩnh vực hoạt động, nâng cao NLCT, hiệu quả, vai trò động lực trong pt KT, trong xuất khẩu, tạo việc làm & cải thiện thu nhập
- DN FDI: mở rộng nhanh, liên kết & cạnh tranh với DN trong nước, là động lực trong cạnh tranh XK, tạo lợi thế mới cho VN trong mạng lưới kinh doanh toàn cầu và các liên kết khu vực

11/8/2006

24

- **Phát triển mạnh hệ thống hỗ trợ, liên kết DN**
 - Tập trung tháo gỡ sớm những rào cản chính của DN
 - Thiết kế lại các chính sách và công cụ hỗ trợ DN phù hợp với các ưu tiên pt và quy định của WTO
 - Tạo thuận lợi cho pt các dịch vụ hỗ trợ DN (BDS), xã hội hóa các DV công, cải thiện các DV hạ tầng, giáo dục đào tạo, thông tin, công nghệ...
 - Tạo thuận lợi cho các liên kết DN (clusters) ngành, vùng, làng nghề..., kể cả với các nước trong khu vực
 - Pt và phát huy mạnh vai trò của các hiệp hội DN, đặc biệt về đại diện bảo vệ quyền lợi DN, hỗ trợ, xúc tiến TM
 - Quan tâm DN vừa & nhỏ, đồng thời tạo điều kiện pt các DN tư nhân quy mô lớn, đầu đàn

11/8/2006

25

Định hình lại cơ cấu các sản phẩm

- **Nhóm các sản phẩm có khả năng pt mạnh:** đã chịu CT, có thể thu hút thêm các nguồn lực để pt: hàng may mặc, da giày, thủy sản, đồ gỗ, khoáng sản, một số nông sản, sp công nghiệp chế tạo; các dịch vụ du lịch, CN thông tin, DV hỗ trợ kinh doanh, vận tải, xây dựng, cơ khí...
 - **Nhóm các sản phẩm có thể bị sụt giảm:** thường là các sp thay thế NK, được bảo hộ, trợ cấp nên khả năng CT thấp: sắt thép, giấy, phân hóa học, ô tô xe máy, rượu bia, thuốc lá, một số vật liệu xây dựng...; dịch vụ bán hàng trong nước, tài chính, hàng hải...
 - **Các sp khác:** có khả năng pt nhưng không cao
- Cần tiếp tục các nghiên cứu sâu rộng về các sp, dịch vụ*

11/8/2006

26

3. TÁC ĐỘNG CỦA GIA NHẬP WTO ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP NÔNG NGHIỆP VN

11/8/2006

27

Vị trí của doanh nghiệp trong HNKQT

- Là đội quân xung kích trong xây dựng và phát triển KT, tạo năng lực KT cho đất nước, nâng nền KT lên trình độ pt cao hơn
- Là lực lượng quan trọng trong tạo việc làm, xóa đói nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao thu nhập
- Là lực lượng trực tiếp đương đầu với thách thức, khai thác cơ hội, tạo khả năng cạnh tranh và thích ứng của các sản phẩm, các ngành KT, các lực lượng lao động
- Thành công hay không thành công của doanh nghiệp quyết định tương lai của đất nước trong HNKQT

11/8/2006

28

Lực lượng DNVN hiện nay

- Nước ta hiện có:
 - # 200.000 DN khu vực tư nhân chính thức (mỗi năm tăng 30-35.000)
 - # 3.000 DN nhà nước (sẽ giảm)
 - > 5.000 DN FDI (sẽ tăng)
 - > 2,6 triệu hộ kinh doanh phi nông nghiệp
 - > 9 triệu hộ nông dân có sản xuất hàng hóa
- Tỷ lệ DN chính thức trên dân số còn rất nhỏ (1/400)
- Tỷ lệ DN tồn tại sau 3 năm: 75%; sau 5 năm: 64%
- Sẽ có những thay đổi lớn sau 3-5 năm nữa

11/8/2006

29

Đặc điểm chung của DNVN

- Đa số là DN nhỏ và vừa (95 %), số DN cực nhỏ & khu vực phi chính thức rất lớn
- Có một khoảng trống lớn giữa các DN lớn (DNNN & FDI) và DN nhỏ (khu vực tư nhân trong nước)
- Đa số mới thành lập, ít kinh nghiệm kinh doanh
- Thiếu & yếu về vốn, nhân lực, thiết bị-công nghệ, vật tư, quản trị DN, tiếp cận thị trường
- Năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh thấp
- Chi phí kinh doanh cao, tỉ suất lợi nhuận thấp
- Năng lực cạnh tranh hạn chế, không dễ cải thiện
- Thiếu chiến lược phát triển / chiến lược cạnh tranh
- Thiếu liên kết thành các chuỗi giá trị, mạng KD hữu hiệu

11/8/2006

30

DNVN còn rất khó khăn do

- Hoạt động trong hành lang pháp lý kém thuận lợi & an toàn, môi trường kinh doanh khó khăn, không bình đẳng, nhiều rào cản, ít hỗ trợ
- Khó tiếp cận các nguồn lực cần thiết: tín dụng, đất đai, nguồn nhân lực có chất lượng, đào tạo, thông tin...
- Các dịch vụ hạ tầng chất lượng thấp, đất đỏ, thiếu thốn
- Các dịch vụ hành chính phức tạp, đất đỏ
- Hệ thống dịch vụ hỗ trợ KD và tổ chức hỗ trợ DN yếu
- Các hiệp hội DN chưa pt mạnh để đại diện cho quyền lợi của DN, hỗ trợ, liên kết DN
- Chính sách và các công cụ hỗ trợ DN của nhà nước thiếu công bằng, chưa hợp lý, tác dụng thấp

11/8/2006

31

Những hạn chế đối với phát triển DN

WB, theo điều tra ý kiến các doanh nghiệp

Các mặt hạn chế	Đông Á	Việt nam	Thế giới
Tiếp cận tín dụng	17.4 **	37.4	30.1 **
Tiếp cận đất đai	9.9 **	26.4	14.5 **
Kỹ năng lao động và giáo dục	23.8	22.3	20.4 *
Giao thông vận tải	15.2 **	21.6	12.4 **
Ổn định kinh tế vĩ mô	34.1 **	16.8	40.2 **
Tham nhũng	28.6 **	12.8	36.8 **
Quan hệ lao động	17.4 **	10.9	17.3 **
Hệ thống luật pháp	27.3 **	5.5	21.6 **
Tội ác và trộm cắp	19.3 **	4.0	25.7 **
Hệ thống giấy phép	14.4 **	1.4	15.9 **

11/8/2006

32

Tác động của gia nhập WTO đối với DNVN

Thuận lợi / cơ hội

- Nhiều cơ hội xuất khẩu do thị trường thế giới mở rộng, vị thế cạnh tranh bình đẳng hơn
- Kinh tế trong nước phát triển ổn định
- Hành lang pháp lý & môi trường kinh doanh được cải thiện, minh bạch, bình đẳng, cạnh tranh hơn
- Cơ hội tiếp cận tín dụng, công nghệ, thông tin, các dịch vụ, thiết bị, vật tư đầu vào... tốt hơn
- Cơ hội xây dựng chiến lược KD, liên kết mới để pt
- Các tranh chấp TM quốc tế được giải quyết công bằng hơn

11/8/2006

33

Tác động của gia nhập WTO đối với DNVN

Khó khăn / thách thức

- Cạnh tranh quyết liệt hơn, cả ở thị trường trong nước
- Phải học hỏi, hiểu các quy định của WTO, các cam kết khu vực & luật lệ của các nước bạn hàng
- Phải áp dụng nhiều tiêu chuẩn trong nước và quốc tế
- Phải thận trọng hơn khi chọn lựa bạn hàng, thị trường, phương thức kinh doanh
- Nhiều ưu đãi, trợ cấp, bảo hộ của Nhà nước bị bãi bỏ
- Thị trường biến động nhanh, đòi hỏi khả năng thích ứng
- Nhiều vấn đề tồn tại không dễ khắc phục
- Một số ngành, sản phẩm, DN có thể bị thua thiệt

11/8/2006

34

Tác động của gia nhập WTO đối với doanh nghiệp nông nghiệp VN

Cơ hội:

- Sự quan tâm, môi trường pháp lý & chính sách đối với nông nghiệp tốt hơn, minh bạch, ổn định hơn
- Nhà nước sẽ điều chỉnh chiến lược, qui hoạch pt nông nghiệp theo hướng thị trường hơn, bền vững hơn
- Các biện pháp, công cụ hỗ trợ mới của nhà nước đối với nông nghiệp & pt nông thôn công bằng, phù hợp hơn
- Các ngành dịch vụ, công nghệ, công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp sẽ pt, cơ sở hạ tầng ở nông thôn sẽ cải thiện
- Triển vọng tiếp cận thị trường XK tốt hơn do vị thế mới của VN trong WTO, trong vòng đàm phán Doha
- Thị trường nội địa phát triển, hệ thống phân phối mở rộng, thuận lợi hơn cho tiêu thụ nông sản

11/8/2006

35

- Triển vọng mở rộng thị trường ở nông thôn cho các sp, dịch vụ của DN
- Tiếp cận các nguồn lực cần thiết thuận lợi hơn
- Chi phí đầu vào có thể giảm do cạnh tranh (trong nước & nhập khẩu), xã hội hóa 1 số dịch vụ, tăng nguồn cung
- Cải cách DNNN, nông lâm trường QD → tạo bình đẳng, giải phóng một số nguồn lực (đất, quyền KD...)
- Cơ cấu lại lao động nông nghiệp → tư duy, cách làm ăn, năng suất, chất lượng lao động, khả năng tiếp cận thị trường của nông dân sẽ cải thiện
- Khả năng pt các liên kết 4 nhà, ngành, vùng thực chất, hiệu quả, bền vững hơn trước sức ép cạnh tranh mới
- Triển vọng thu hút FDI, hợp tác quốc tế trong nông nghiệp & pt nông thôn tốt hơn

11/8/2006

36

Tác động của gia nhập WTO đối với doanh nghiệp nông nghiệp VN

Thách thức

- Cạnh tranh tăng lên trên thị trường nông sản trong nước & quốc tế về chất lượng, tiêu chuẩn, giá cả, dịch vụ...
- Những tiêu chuẩn bắt buộc cao hơn về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm (trong nước & quốc tế) đối với nông sản // sự giám sát nghiêm ngặt hơn
- Việc điều chỉnh hệ thống luật pháp, chính sách, chiến lược, qui hoạch, hạ tầng cho nông nghiệp & pt nông thôn cần thời gian & đầu tư mạnh, không dễ thực hiện
- Các biện pháp hỗ trợ KD XK nông sản không phù hợp WTO phải bãi bỏ, hệ thống mới chưa hình thành nhưng thách thức cạnh tranh sẽ đến ngay, DN khó đối phó

11/8/2006

37

- Tổ chức sản xuất, KD nông sản & các hoạt động liên quan còn nhiều bất cập: nhỏ lẻ, phân tán, chuyển đổi chậm & không đồng bộ, không đều, thiếu đầu tư các khâu tạo thêm giá trị gia tăng, chưa liên kết thành chuỗi
- Nông sản VN có những hạn chế về chất lượng, quy cách, tính ổn định & đồng đều, tiêu chuẩn an toàn VSTP, môi trường, cách thu hoạch & bảo quản, mức chế biến thấp... → chưa phù hợp với yêu cầu ngày càng cao của thị trường đô thị nội địa & XK, thiếu thương hiệu mạnh
- Hệ thống tiêu thụ nông sản nội địa & hệ thống XK đều cần cải thiện nhiều mặt (hạ tầng, vốn, tổ chức & phương thức KD chuyên nghiệp, marketing ...)
- DN nông nghiệp VN có những tồn tại chủ quan & khách quan hạn chế năng lực cạnh tranh không dễ khắc phục

11/8/2006

38

Nhìn chung, đối với DN nông nghiệp VN, cơ hội là to lớn về lâu dài, không dễ nắm bắt ngay, nhưng thách thức là hiện hữu, không dễ khắc phục do:

- Cải cách, pt nông nghiệp đòi hỏi tầm nhìn chiến lược, sự phối hợp chiến lược & hành động của nhiều ngành, nhiều cấp, hệ thống quản lý & con người, công nghệ... mà VN chưa có đủ trong những năm trước mắt
- Thị trường nông sản toàn cầu luôn luôn nhiều rủi ro, biến động, không công bằng, được bảo hộ cao ở các nước NK lớn, thua thiệt cho các nước ĐPT nhưng rất khó cải thiện; thị trường nội địa còn hạn hẹp, CT mạnh
- KD nông sản rủi ro cao, lợi nhuận thấp; KD các ngành công nghiệp & dịch vụ liên quan cũng khó hơn so với các lĩnh vực khác do đặc thù của nông sản, nông dân

11/8/2006

39

Các yếu tố quyết định NLCT của DN

- Chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt
- Hiểu biết và đáp ứng nhu cầu của khách hàng
- Hệ thống phân phối sản phẩm, dịch vụ tốt
- Giảm giá thành sản phẩm, dịch vụ
- Xây dựng & pt thương hiệu, uy tín của DN
- Phát triển nguồn nhân lực, nâng trình độ chuyên môn
- Quản trị DN tốt, đặc biệt về tài chính & con người
- Đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng
- Tạo được liên kết, hợp tác tốt với các DN liên quan

11/8/2006

40

DNVN cần làm gì để HNQT thành công

- Tìm hiểu các vấn đề về hội nhập, trau dồi kiến thức, thường xuyên nắm bắt thông tin (tự học, sử dụng chuyên gia ngoài DN)
- Xây dựng chiến lược KD / cạnh tranh của DN
- Áp dụng các biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh (cải tiến quản lý, đổi mới công nghệ, giảm giá thành, phát triển hệ thống phân phối, thương hiệu, đào tạo nhân lực, tạo liên kết...)
- Tăng cường hợp tác với các DN khác, tham gia các liên kết, mạng lưới và hiệp hội.

11/8/2006

41

Đổi mới chiến lược CT của DNVN

- Biết mình biết người, tạo thế các bên cùng thắng (win-win)
- Tìm đường phát triển và xây dựng lợi thế (hơn là chỉ tìm cách xóa bỏ bất lợi thế), chú trọng lợi thế động (hơn là lợi thế tĩnh)
- Không ngừng tự cải thiện, sáng tạo, làm tốt hơn và làm khác hơn những việc DN đang làm
- Gắn với sự tiến hóa của toàn ngành và vị trí của DN trong ngành
- Thích nghi với sự thay đổi (thay đổi lợi thế CT)

11/8/2006

42

Nâng cao giá trị gia tăng của DN

Năng lực cạnh tranh trong chuỗi giá trị

Các hoạt động tạo nên giá trị gia tăng:

- 1 - Nghiên cứu và phát triển sản phẩm: *GTGT cao*
- 2 - Sản xuất, gia công, lắp ráp: *GTGT thấp*
- 3 - Phân phối và tiếp thị sp: *GTGT cao*

DNVN phần lớn tập trung vào khâu 2 - sản xuất, gia công, lắp ráp, ít chú ý dịch vụ → yếu thế, lợi nhuận thấp. Cần chuyển hướng mạnh sang cải thiện khâu 1 & 3, phát triển dịch vụ để tạo thêm GTGT.

11/8/2006

43

Chọn lựa chiến lược cạnh tranh của DN

- 3 hướng chiến lược cạnh tranh cơ bản:
 - Cạnh tranh bằng giá (cost leadership)
 - Cạnh tranh bằng sự khác biệt (differentiation)
 - Tập trung vào trọng tâm (focus)
- 3 động lực cạnh tranh theo Trung tâm TM Quốc tế ITC:
 - Phản ứng nhanh
 - Tham gia dây chuyền cung cấp toàn cầu hóa
 - Dịch vụ trọn gói

11/8/2006

44

Nhà nước cần làm gì để hỗ trợ DN trong hội nhập KTQT

- Thực hiện các điều chỉnh chiến lược cần thiết phù hợp với bối cảnh mới của phát triển & HNKQT
- Hoàn thiện hệ thống luật pháp, tạo hành lang pháp lý an toàn & môi trường cạnh tranh bình đẳng cho mọi DN
- Cải cách hành chính mạnh mẽ, xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, phẩm chất, ý thức phục vụ
- Thực sự quan tâm phát triển nguồn nhân lực; cải cách mạnh mẽ hệ thống giáo dục, đào tạo
- Tiếp tục phát triển, nâng cấp & giảm chi phí kết cấu hạ tầng, đặc biệt cho KT đối ngoại

11/8/2006

45

- Nâng chất lượng & giảm chi phí các dịch vụ do nhà nước quản lý & do DNNN độc quyền cung cấp
- Tạo điều kiện cho phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ DN, nhất là DN nhỏ và vừa, DN ở nông thôn
- Tạo điều kiện cho phát triển các hiệp hội DN, liên kết DN
- Phát huy tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước, phân bổ & sử dụng các nguồn lực một cách hiệu quả, công bằng
- Tiếp tục một đường lối đối ngoại khôn ngoan, tận dụng & tạo dựng thêm các kênh hợp tác song phương, đa phương phục vụ lợi ích phát triển của đất nước.
- Thực hiện quyết liệt các chủ trương chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tệ đối trá

11/8/2006

46

Những con đường phía trước

- “Những con đường dẫn tới cơ hội ở thế kỷ 21 là tài kinh doanh, liên doanh, hợp tác, liên minh, mạng toàn cầu. Các cơ hội tốt đều nằm ở đó trên khắp thế giới, đặc biệt là tại châu Á.” (John Naisbitt)
- “Ở thế kỷ 21, người chiến thắng sẽ là những ai đứng phía trước đường cong thay đổi, không ngừng xem xét lại ngành nghề của mình, tạo ra những thị trường mới, khai phá con đường mới, sáng tạo lại các quy tắc cạnh tranh, thách thức với hiện trạng” (Charles Handy)

11/8/2006

47

Những vấn đề chính khi tham gia WTO là những vấn đề “bên trong biên giới”

Phải vượt lên chính mình

Và phải hành động ngay

Xin trân trọng cảm ơn!

11/8/2006

48